

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 4 năm 2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Chuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sự- Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1993. Cư trú: Thôn NT, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993. Cư trú: Thôn NT, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 23/7/2012. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không có trách nhiệm với gia đình. Thỉnh thoảng anh Đ có đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì gia đình có khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Vợ chồng có hai con là Nguyễn Bích Ph, sinh ngày 30/01/2013 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 13/01/2017. Vợ chồng ly hôn chị yêu

cầu nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

\* Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ không đến Tòa án làm việc trong quá trình giải quyết vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Bích Ph, sinh ngày 30/01/2013 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 13/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Ng nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí DSST

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 23/7/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của chị Ng và các tài liệu có trong hồ sơ xác định được trong quá trình chung sống, chị Ng và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Ng được ly hôn anh Đ (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Bích Ph, sinh ngày 30/01/2013 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 13/01/2017. Chị Ng yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có ý kiến gì về con chung. Cháu Ph có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Cháu L vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Để các cháu có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao cả hai cháu Nguyễn Bích Ph và

Nguyễn Thùy L cho chị Ng nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ng xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Bích Ph, sinh ngày 30/01/2013 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 13/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Ng nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000486 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã NS, huyện Hiệp Hòa;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

**Phạm Thị Chuyên**